

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2026/HS-PT

Ngày: 19 - 8 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Duy Lam

Các Thẩm phán:

Ông Lưu Anh Tuấn

Ông Ung Quang Định

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Vân –Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Tạ Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 164/2026/TLPT-HS ngày 20 tháng 7 năm 2026 đối với bị cáo Trần Xuân H, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 48/2026/HSST ngày 18 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Gia Lai.

Bị cáo có kháng cáo:

Trần Xuân H, sinh ngày 11/02/1991 tại tỉnh Ninh Bình; số căn cước công dân: 036091001300, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/8/2021; nơi cư trú: Xóm F, xã G, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Xuân V và bà Hoàng Thị H1; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Minh H2 và có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 10/9/2024, bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam (cũ) xử phạt 04 năm 09 tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo Bản án số 53/2024/HSST.

Bị cáo đang chấp hành hình phạt theo Bản án số 53/2024/HSST ngày 10/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam (cũ) tại Trại tạm giam số 2 – Công an tỉnh N. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 29/8/2022, Nguyễn Tuấn A bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa (cũ) xử phạt 39 tháng tù về tội “Làm giả tài liệu, con dấu của cơ quan tổ chức”. Sau khi xét xử, bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1976, trú tại: làng T, xã I, tỉnh Gia Lai là mẹ đẻ của Nguyễn Tuấn A cùng đi ăn cơm với Trần Xuân H nên đã làm quen và nói chuyện với H về việc lo cho Tuấn A được hưởng án treo thì H nói H sẽ hỏi thăm và thông báo lại cho bà D, H nói bà D chuẩn bị sẵn tiền khi H yêu cầu.

Sau đó, bà D gọi điện cho H hỏi về việc chạy án treo cho Tuấn A như thế nào thì H nói H đã gặp được bên Viện kiểm sát, trước mắt chuyển cho H số tiền 36.000.000 đồng và tổng số tiền chạy án treo là khoảng hơn 300.000.000 đồng, đồng thời H hứa hẹn nếu không chạy án treo cho Tuấn A được thì sẽ trả lại toàn bộ tiền cho bà D thì bà D đồng ý. H yêu cầu bà D chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng V1 số 9965948517 tên TRAN THI HAT là tài khoản của chị Trần Thị H3 (sinh năm 1987, là chị gái H), trú tại xóm G, xã G, tỉnh Ninh Bình. Bà D gọi cho ông Nguyễn Xuân Q (là chồng bà D) đến gặp chị Nguyễn Thị H4, sinh năm 1988 (là em gái bà D), trú tại: làng T, xã I, tỉnh Gia Lai để đưa tiền mặt cho chị H4 và nhờ chuyển số tiền 36.000.000 đồng vào số tài khoản mà H yêu cầu. Sau khi nhận tiền từ chị H3, H gọi cho bà D và nói đợt này là xong rồi, gia đình chuẩn bị tiền khi nào cần thì H liên lạc lại. Đến khoảng cuối tháng 10 năm 2022, H gọi cho bà D và yêu cầu chuyển thêm 320.000.000 đồng để tiếp tục lo chạy án treo cho Tuấn A thì bà D đồng ý, bà D không gặp H được nên nhờ em trai là Nguyễn Đình H5, sinh năm 1983, trú tại: phường H, thành phố Hà Nội chuyển tiền cho H. Bà D đã chuyển cho ông H5 số tiền 320.000.000 đồng và nhờ ông H5 gặp H chuyển tiền và viết giấy nhận tiền. Ngày 01/11/2022, ông H5 liên lạc và chuyển tiền cho H vào tài khoản ngân hàng B số 0836250000 tên TRAN XUAN HIEN số tiền 320.000.000 đồng. Đến ngày 24/11/2022, ông H5 và H gặp nhau trao đổi tại quán C số C Đ, phường H, thành phố Hà Nội, tại đây H đã viết giấy nhận số tiền 320.000.000 đồng và giao cho ông H5.

Ngày 25/12/2022, H tiếp tục gọi cho bà D yêu cầu chuyển thêm 40.000.000 đồng và nói đây là lần chuyển cuối cùng để lo chạy án treo cho Tuấn A thì bà D đồng ý. Bà D tiếp tục chuyển 40.000.000 đồng cho ông H5 nhờ chuyển tiền giúp và ông H5 đã chuyển số tiền 40.000.000 đồng đến tài khoản ngân hàng B số 0836250000 tên TRAN XUAN HIEN cho H.

Ngày 28/12/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm và xử phạt Nguyễn Tuấn A 36 tháng tù nên bà D yêu cầu H trả lại tiền thì H đồng ý

trả lại tiền và xin trả dần thông qua tài khoản ngân hàng của ông H5, cụ thể H chuyển 30.000.000 đồng vào ngày 21/8/2023, 30.000.000 đồng vào ngày 13/9/2023, 20.000.000 đồng vào ngày 29/11/2023, 15.000.000 đồng vào ngày 12/12/2023, 10.000.000 đồng vào ngày 16/12/2023 và lần cuối thì H gặp ông H5 đưa tiền mặt là 5.000.000 đồng vào ngày 23/12/2023, tổng cộng H đã trả cho bà D thông qua ông H5 số tiền 110.000.000 đồng.

Đến ngày 26/12/2023, H bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H khởi tố và tạm giam về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” nên H không tiếp tục trả tiền cho bà D được. Ngày 22/4/2024, bà D đã làm đơn tố giác H về hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Gia Lai.

2. Giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm:

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2026/HS - ST ngày 18 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Gia Lai đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trần Xuân H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; các Điều 38, 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Xuân H 11 (mười một) năm tù. Tổng hợp hình phạt 04 (bốn) năm 09 (chín) tháng tù của Bản án hình sự sơ thẩm số: 53/2024/HSST, ngày 10/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam (cũ). Buộc bị cáo Trần Xuân H phải chấp hành hình phạt chung của 02 Bản án là: 15 (mười lăm) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/12/2023.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo theo quy định.

3. Kháng cáo của bị cáo:

Ngày 30/6/2026, bị cáo Trần Xuân H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

4. Diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Trần Xuân H trình bày, bị cáo đã nộp Giấy khen vì đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động tình nguyện năm 2010 mà Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét áp dụng cho bị cáo, bị cáo giữ nguyên kháng cáo và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Xuân H, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt; buộc bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập tại hồ sơ vụ án, có căn cứ kết luận:

Từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2022, Trần Xuân H đã đưa ra thông tin gian dối đối với bà Nguyễn Thị D rằng, H quen biết và có khả năng lo cho Nguyễn Tuấn A là con trai bà D từ án phạt tù đã tuyên tại bản án sơ thẩm sang cho hưởng án treo tại phiên tòa phúc thẩm. Vì tin tưởng bị cáo nên bà D đã nhiều lần chuyển tổng số tiền 396.000.000 đồng cho H. Sau khi nhận tiền, bị cáo đã sử dụng chi tiêu cá nhân.

Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 8 - Gia Lai đã xét xử bị cáo Trần Xuân H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương, nên cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

Bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần thuộc trường hợp tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; khắc phục toàn bộ hậu quả cho bị hại; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có ông nội được tặng Huân chương kháng chiến hạng ba, nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bản thân bị cáo được tặng Giấy khen vì đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động tình nguyện năm 2010, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự mà Tòa án cấp sơ thẩm chưa áp dụng cho bị cáo. Xét, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 11 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có phần nghiêm khắc. Do đó, để thể hiện sự khoan hồng và tạo điều kiện cho bị cáo an tâm cải tạo, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm, giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

[3] Do kháng cáo được chấp nhận nên người kháng cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Xuân H. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 48/2026/HS-ST ngày 18 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Gia Lai về phần hình phạt.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; các Điều 38, 50; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Xuân H 10 (mười) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Tổng hợp hình phạt 04 (bốn) năm 09 (chín) tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức” tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 53/2024/HSST, ngày 10/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam (cũ), buộc bị cáo Trần Xuân H phải chấp hành hình phạt chung của 02 Bản án là: 14 (mười lăm) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/12/2023.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Xuân H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND khu vực 8 – Gia Lai;
- VKSND khu vực 8 – Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT – CA tỉnh Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 8 – Gia Lai;
- Bị cáo;
- Trại Tạm giam số 2 - CA tỉnh Gia Lai;
- Phòng HSNV – CA tỉnh Gia Lai;
- Lưu hồ sơ vụ án, THS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Duy Lam

